

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**
Số: 2193 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động
gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang (đợt 4)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số
chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do
đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng
Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động
và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về
việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn
do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính
phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính
phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại
Tờ trình số 2342/TTr-LĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 04 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2342/TTr-LĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá (đợt 4), cụ thể như sau:



Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số tiền/người	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 - mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người)	20	3.710.000	74.200.000
2	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 - mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	1	1.000.000	1.000.000
	<i>Người lao động đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi</i>	<i>1</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
	Tổng cộng	21		75.200.000
	Bằng chữ:	Bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh, "HT".

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



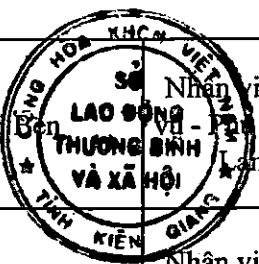


PHỤ LỤC 04

Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá
(Kèm theo Tờ trình số 2342 /TTr-LĐTBXH ngày 10 /9/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

I		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÚ CƯỜNG KIÊN GIANG						66.780.000			
		Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						66.780.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Hà Bạch Nương	Tổ trưởng phòng vé - Phú Cường Land	KTH	21/10/2020	9114000300	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000	HA BACH NUONG, 166133157, Vpbank	371414774	
2	Lê Thu Hương	Nhân viên vận hành games - Phú Cường Land	1 năm	21/10/2020	9123534874	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000	LE THU HUONG, 168947194, Vpbank	370667145	
3	Nguyễn Tuyết Hồng	Nhân viên bán vé - Phú Cường Land	1 năm	21/11/2020	9122975355	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000	NGUYEN TUYET HONG, 233346257, Vpbank	371702595	
4	Quách Thị Kiều Trang	Nhân viên soát vé - Phú Cường Land	1 năm	21/11/2020	7916463367	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000	QUACH THI KIEU TRANG, 233346489, Vpbank	371726601	

5	Trần Thị Thúy An	Nhân viên vận hành game - Phú Cường Land	1 năm	21/10/2020	9123819787	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000		371828829	Tiền mặt
6	Lê Thị Trúc Hà	Nhân viên bán hàng lưu niệm - Phú Cường Land	1 năm	04/03/2021	9122846784	16/05/2021	16/5/2021 - 1/9/2021	3.710.000	LE THI TRUC HA, 227414103, Vpbank	371865148	
7	Thạch Thị Ngọc	Nhân viên tạp vụ - Phú Cường Land	1 năm	21/10/2020	9122253925	30/06/2021	30/6/2021 - 1/9/2021	3.710.000	THACH THI NGOC, 170700527, Vpbank	370737943	
8	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nhân viên tạp vụ - Phú Cường Land	1 năm	21/11/2020	8924135091	15/07/2021	15/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	NGUYEN THI CAM TU, 233346446, Vpbank	352346271	
9	Ngô Lê Thạch	Nhân viên vận hành - Phú Cường Land	1 năm	01/04/2021	9121689913	16/07/2021	16/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000		371247543	Tiền mặt
10	Bùi Ngọc Tuyên	Nhân viên cứu hộ - Phú Cường Land	1 năm	14/10/2020	9124068139	17/07/2021	17/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	BUI NGOC TUYEN, 166130492, Vpbank	371831669	
11	La Hải Đăng	Nhân viên vận hành game - Phú Cường Land	1 năm	21/10/2020	9121774758	17/07/2021	17/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	LA HAI DANG, 233346675, Vpbank	371168818	
12	Nguyễn Văn Duy	Nhân viên cứu hộ - Phú Cường Land	KTH	14/10/2020	9124090311	17/07/2021	17/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	NGUYEN VAN DUY, 170700627, Vpbank	371825856	

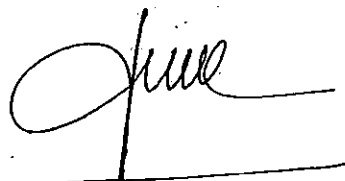


13	Phó Thị Ben	Nhân viên tạp vụ - Phú Cường Land	1 năm	01/02/2021	9122250196	18/07/2021	18/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	PHO THI BEN, 166133114, Vpbank	370928828		
14	Trần Ngọc Sương	Nhân viên tạp vụ - Phú Cường Land	1 năm	21/11/2020	8923866394	18/07/2021	18/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	TRAN NGOC SUONG, 233346209, Vpbank	372044671		
15	Hoàng Thị Nga	Kế toán Kho - Phú Cường Land	1 năm	01/10/2020	0114150014	19/07/2021	19/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	HOANG THI NGA, 166036647, Vpbank	183688024		
16	Lê Hữu Vinh	Phó Quản lý - Phú Cường Land	KTH	02/11/2019	9122969979	19/07/2021	19/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	LE HUU VINH, 166142059, Vpbank	371864302		
17	Lê Huỳnh Ngọc	Nhân viên vận hành - Phú Cường Golf	1 năm	04/03/2021	9122501524	19/07/2021	19/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000		371747854	Tiền mặt	
18	Trương Bích Thu	Nhân viên tạp vụ - Phú Cường Golf	KTH	01/05/2019	9124132392	19/07/2021	19/7/2021 - 1/9/2021	3.710.000	TRUONG BICH THU, 183263617, Vpbank	370458541		
II	CÔNG TY TNHH THE HOUSE OF ENGLISH VIET NAM								8.420.000			
2.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương								7.420.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	

1	Lê Hoàng Mẫn Nghi	Nhân viên văn phòng	KTH	,5/2021	9123543960	;01/07/2021	01/7/2021 - 15/8/2021	3.710.000	Lê Hoàng Mẫn Nghi, 91000676446, Vietcombank CNKG	371888350	
2	Lê Nhựt Băng Băng	Nhân viên văn phòng	KTH	,6/2010	9123817748	;01/07/2021	01/7/2021 - 15/8/2021	3.710.000	Lê Nhựt Băng Băng, 70097634368, Sacombank CNKG	371831478	
2.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 2.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng								
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
1	Lê Nhựt Băng Băng	2	Thái Hoàng Đan Đan	11/04/2020	Thái Hoàng Tân	371377111	1.000.000	Lê Nhựt Băng Băng, 70097634368, Sacombank CNKG			
21	Tổng cộng							75.200.000			

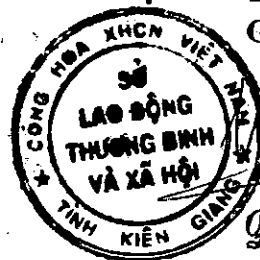
Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 21; Số tiền hỗ trợ: 75.200.000 đồng; Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng

Kiên Giang, ngày 10 tháng 9 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



GIÁM ĐỐC

Dặng Hồng Sơn